

Số: 421 /KH-GDTX

Điện Biên, ngày 17 tháng 11 năm 2021

KẾ HOẠCH

Về việc thực hiện công khai các hoạt động của trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh năm học 2021 -2022

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ văn bản số 1881/SGDĐT-KT&QLCLGD ngày 17/8/2021 của Sở GD & ĐT Điện Biên về việc hướng dẫn nhiệm vụ khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục năm học 2021-2022;

Trung tâm GDTX tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện quy định về công khai trong hoạt động của đơn vị như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Thực hiện công khai cam kết của Trung tâm về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu, chi tài chính để phụ huynh học viên và xã hội tham gia giám sát và đánh giá trung tâm theo qui định của pháp luật.

Thực hiện công khai của trung tâm nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trung tâm trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục thường xuyên.
2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế.
3. Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục thường xuyên.
4. Công khai thông tin đội ngũ về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục thường xuyên.

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Ông Phạm Văn Cường - Giám đốc Trung tâm

Phụ trách chung, phê duyệt các báo cáo công khai, kế hoạch năm học 2021-2022 của Trung tâm.

2. Bà Phạm Thị Duyên - Phó Giám đốc

Lập kế hoạch, tổ chức hội thảo, dự thảo các văn bản có liên quan.

Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

+ Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo biểu mẫu)

+ Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

+ Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo biểu mẫu).

+ Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình đào tạo thực hiện, yêu cầu về thái độ học tập của người học, các hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của người học; mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ và theo các ngành đào tạo (theo biểu mẫu).

- Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh, số học sinh lên lớp, có phân biệt theo các khối lớp (theo biểu mẫu) và tổng hợp kết quả các lần kiểm tra định kỳ

- Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Bà Vũ Thị Bích Liên - Phó Giám đốc

Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế của các loại hình liên kết đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, bồi dưỡng các loại hình.

Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình đào tạo thực hiện các loại hình, yêu cầu về thái độ học tập của người học, các hoạt động hỗ trợ học tập của người học; mục tiêu đào tạo (theo biểu mẫu).

3. Bộ phận kế toán

a. Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế

- Tình hình tài chính của trung tâm

+ Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học viên, chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

+ Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 91/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

b. Mức thu các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học (BHTN, BHYT).

c. Chính sách đối với lưu học sinh Lào và kết quả thực hiện trong từng năm học.

4. Bộ phận Văn thư, Thủ quỹ

- Danh sách, số lượng học sinh được hưởng chính sách miễn giảm học phí, học bổng, trợ cấp hàng năm.

- Danh mục các văn bản có liên quan.

- Nguồn thu chi từ các hệ liên kết của đơn vị và các loại hình khác.

5. Đoàn Thanh niên, Công đoàn

Các nguồn thu – chi phát động các công trình và quyên góp hàng năm.

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 6 của Quy chế này

- Công khai kế hoạch tại các cuộc họp, hội nghị đầu năm, sơ kết trước ngày 10/01 hàng năm, Tổng kết trước ngày 31/5 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Để chuẩn bị cho năm học mới, trung tâm có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học viên nắm rõ và phối hợp thực hiện.

- Niêm yết công khai tại bảng thông báo, văn phòng nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh, CB-GV-CNV nhà trường xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) và sau các kì kiểm tra định kỳ

- Báo cáo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 của Quy chế, nhà trường thực hiện công khai như sau

- Đối với học viên tuyển mới: Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học viên đang học: phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới. Thông tin về chất lượng giáo dục định kỳ của học viên qua các buổi họp cha mẹ học viên và các hình thức khác.

3. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện theo Thông tư số Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Tổ chức tự kiểm tra đánh giá đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Các bộ phận, cá nhân thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc.

Trên đây là kế hoạch thực hiện các hoạt động công khai của Trung tâm GDTX tỉnh năm học 2021-2022./.

Nơi nhận:

- SGD&ĐT-Khảo thí và KĐCLGD;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Cường

Biểu mẫu 13

SỞ GD&ĐT ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM GDTX TỈNH

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục thường xuyên
năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		...	10	11	12
I	Điều kiện tuyển sinh		Tốt nghiệp THCS	Hoàn thành lớp 10 và được xét lên lớp 11	Hoàn thành lớp 11 và được xét lên lớp 12
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện		7 môn – Chương trình GDTX	7 môn – Chương trình GDTX	7 môn – Chương trình GDTX
III	Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu thái độ học tập của học viên		Giáo dục theo 3 môi trường GD-NT-XH	Giáo dục theo 3 môi trường GD-NT-XH	Giáo dục theo 3 môi trường GD-NT-XH
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục		Thực hiện theo hướng dẫn, quy định của ngành	Thực hiện theo hướng dẫn, quy định của ngành	Thực hiện theo hướng dẫn, quy định của ngành
V	Kết quả hạnh kiểm, học tập, sức khỏe của học viên dự kiến đạt được		-HK: Từ TB trở lên -HL: Từ TB trở lên	-HK: Từ TB trở lên -HL: Từ TB trở lên	-HK: Từ TB trở lên -HL: Từ TB trở lên
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học viên		Lên lớp 11	Lên lớp 12	Học tiếp TC, CD, ĐH

Điện Biên, ngày 17 tháng 11 năm 2021

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Thị Duyên

Biểu mẫu 14

SỞ GD&ĐT ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM GDTX TỈNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học viên thuộc diện xếp loại hạnh kiểm	383		174	209	0
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	286 (74,67)		134 (77,01)	152 (72,73)	0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	78 (20,37)		31 (17,82)	47 (22,49)	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	19 (4,96)		9 (5,17)	10 (4,78)	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0		0	0	0
II	Số học viên chia theo học lực	457		174	209	74
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	19 (4,16)		5 (2,87)	4 (1,94)	10 (13,51)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	252 (55,14)		105 (60,34)	83 (39,71)	64 (86,49)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	153 (33,4)		54 (31,03)	99 (47,37)	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	21 (4,6)		2 (1,15)	19 (9,09)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	12 (2,63)		8 (4,6)	4 (1,91)	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	424		164	186	74
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	424 (92,78)		164 (94,25)	186 (98)	74 (100)
a	Học viên giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	19 (4,16)		5 (2,87)	4 (1,94)	10 (13,51)
b	Học viên tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	252 (55,14)		105 (60,34)	83 (39,71)	64 (86,49)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	21 (4,6)		2 (1,15)	19 (9,09)	0

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	12 (2,63)		8 (4,6)	4 (1,91)	0
4	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	0		0	0	0
IV	Số học viên dự xét hoặc thi tốt nghiệp	45				45
V	Số học viên được công nhận tốt nghiệp	45				45
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VI	Số học viên thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học viên vào học các cơ sở GD nghề nghiệp khác (tỷ lệ so với tổng số)					

B. Đào tạo liên kết hình thức vừa làm vừa học, từ xa (đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm)

STT		Trình độ đào tạo	Quy mô đào tạo	Số học viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp			Tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (Đối với học viên chưa có việc làm)
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
I	Tổng số							
II	Liên kết đào tạo hình thức vừa làm vừa học							
1	Chuyên ngành							
	Luật	ĐH	5 lớp = 415					
	Mầm non	ĐH	2 lớp = 143					
	Tiểu học	ĐH	1 lớp = 108					
	Kế toán	ĐH	1 lớp = 43					
	Khoa học cây trồng	ĐH	1 lớp	1 lớp	0	0	37	

			=57	=57				
	Âm nhạc	ĐH	1 lớp = 46					
	Giáo dục thể chất	ĐH	1 lớp = 23					
	Thư viện thiết bị	ĐH	1 lớp = 56					
III	Liên kết đào tạo hình thức từ xa							
1	Chuyên ngành							
2							
IV	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng liên kết với các doanh nghiệp							
1	Chuyên ngành							
2							

C. Các chương trình bồi dưỡng, đào tạo khác

STT	Chương trình bồi dưỡng, đào tạo	Số người tham gia	Thời gian bồi dưỡng, đào tạo (tháng)	Số người được cấp chứng chỉ (nếu có)
1	Tiếng Mông	03 lớp = 146 hv	3-4 tháng	146
2	...			
3	...			

....., ngày 17. tháng 11 năm 2021.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Văn Cường

Biểu mẫu 15

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM GDTX TỈNH**

THÔNG BÁO
**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trung tâm giáo
dục thường xuyên tỉnh Điện Biên**
năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	21	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	18	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn		
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	03	
7	Bình quân lớp/phòng học		01, lớp/phòng
8	Bình quân học viên/lớp		34hs/lớp
III	Số điểm trường		Số m ² /học viên
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	13.844	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1.024	
VI	Tổng diện tích các phòng	4.086,5	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.514	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	326	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	44	
3	Diện tích thư viện , thiết bị (m ²)	46	
4	Diện tích các phòng làm việc	209	
5	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	280	
6	Diện tích phòng khác (hội trường, truyền thông, y tế, bảo vệ....)(m ²)	174,5	
7	Diện tích gara ô tô, xe máy cho học sinh, GV	482m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	80	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	25	8,33
2	Khối lớp 11	29	7,25
3	Khối lớp 12	26	6,5
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	200m ²	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	131	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	711	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	11	

2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	14	
5	Máy tính cho công tác	18	
6	Máy photocopy	3	01 mua 2012, 02 sở cấp 2013 và 2014
7	Máy in màu	1	
8	Máy phát điện	1	
9	Ôtô	2	
10	Máy điều hoà	22	
11	Tủ lạnh	4	
12	Bàn ghế học sinh	365 bộ	
13	Bàn ghế hội trường	60 bộ	
14	Bàn ghế các phòng làm việc	29	
15	Tủ đựng cho CB và Học sinh	50	
16	Phích điện	19	

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	32
XI	Nhà ăn	180

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Ph.nghi cho hV bán trú			
XIII	Khu nội trú	37 phòng = 851m ²	296	2,88 m ²

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học viên		Số m²/học viên	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	16 phòng (48m ²)	2 nhà (100m ²)	21 phòng (63m ²)	1m ²	0,81m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo QĐ số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang tt điện tử (website) của trung tâm	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Điện Biên, ngày 17 tháng 11 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Cường

Biểu mẫu 16

Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM GDTX TỈNH**

THÔNG BÁO
**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý
và nhân viên của trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh
Điện Biên năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 106)	T S	ThS	ĐH	CĐ	TC CN	trình độ khác	
	Tổng số CB,GV,NV	31	29	2		11	18		2		
I	Giáo viên	19	19				19				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	4	4			2	2				
2	Lý	3	3			1	2				
3	Hóa	3	3			1	2				
4	Sinh	1	1				1				
5	Sử	1	1				1				
6	Địa	1	1				1				
7	Văn	2	2			1	1				
8	Ngoại ngữ	2	2			2					2 ths QL
9	Tin	2	2				2				
10	Tiểu học	1	1					1			
11	Nhạc	1	1				1				
12	GV biệt phái										
II	Cán bộ quản lý	3	3				3				
1	Giám đốc	1	1			1					
2	Phó giám đốc	2	2			2					1 ths QL
III	Nhân viên	14	11	3			4		4	8	
1	NV văn thư thủ quỹ	1	1				1				
2	Nhân viên kế toán	3	3				2	1			
3	Nhân viên y tế	1	1						1		
4	Nhân viên thư viện	1	1				1				
5	Thiết bị thí nghiệm	2	1						2		
7	Bảo vệ	2	2							2	

Điện Biên ngày 17 tháng 11 năm 2021
GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Cường

Biểu mẫu 12

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM GDTX TỈNH**

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng giáo dục của trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Điện Biên năm học 2021-2022

Điện Biên, ngày 17 tháng 11 năm 2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp	
		10	11
I	<p>Điều kiện tuyển sinh</p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">-Học bạ THCS hoặc BTTHCS (Bản chính)-Bảng tốt nghiệp THCS hoặc BTTHCS (Bản chính)-Giấy khai sinh (Bản chứng thực)-Đơn xin học có ý kiến của cha mẹ -Các giấy tờ ưu tiên khác (nếu có)	<p>Học sinh học xong chương trình THCS (hoặc BTTHCS) và được xét công nhận tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none">- Đã là học sinh lớp 10 của trường khác trong tỉnh chuyển đến phải có giấy chuyển trường (nếu là học sinh ngoại tỉnh chuyển đến phải có giấy chuyển trường có xác nhận của sở GD&ĐT)	<p>12</p> <p>Học xong chương trình lớp 11 và được xét lên lớp 12</p> <ul style="list-style-type: none">-Nếu là học sinh trường khác trong tỉnh chuyển đến phải có giấy chuyển trường-Nếu là học sinh ngoại tỉnh chuyển đến phải có giấy chuyển trường có xác nhận của sở GD&ĐT
II	<p>Chương trình giáo dục mà trung tâm tuân thủ</p>	<p>-Chương trình chuẩn của Bộ GD&ĐT gồm 7 môn bắt buộc: Toán, văn, lý, hoá, sinh, sử, địa, Tiếng anh, tin học, nghệ phổ thông</p>	<p>-Chương trình chuẩn của Bộ GD&ĐT gồm 7 môn bắt buộc: Toán, văn, lý, hoá, sinh, sử, địa, GD&ĐT và các môn học khuyến khích: Tiếng Anh, Tin học, nghệ phổ thông</p> <p>-Chương trình chuẩn của Bộ GD&ĐT gồm 7 môn bắt buộc: Toán, văn, lý, hoá, sinh, sử, địa, GD&ĐT và các môn học khuyến khích: tiếng Anh, tin học, học nghệ...</p>

III	<p>Yêu cầu phối hợp giữa trung tâm và gia đình. Yêu cầu thái độ học tập của học viên</p>	<p>- Định kỳ: Trung tâm tổ chức họp Hội cha mẹ học sinh 04 lần -Định kỳ: Trung tâm tổ chức đối thoại giữa Ban GD với Hội cha mẹ học sinh và Ban cán sự các lớp -Hội cha mẹ học sinh được tham gia vào các hoạt động của trung tâm -Trung tâm thường xuyên và định kỳ thông báo kết quả học tập và rèn luyện của học viên với gia đình *Yêu cầu thái độ của học viên - Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của trung tâm -Tôn trọng Giáo viên, cán bộ, nhân viên trong trung tâm; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nội quy của pháp luật của Nhà nước -Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của học viên phải có văn hoá, phù hợp với đạo đức và lối sống trong môi trường giáo dục -Trang phục của học viên phải sạch sẽ, gọn gàng, thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt ở trung tâm -Giữ gìn, bảo vệ tài sản của trung tâm -Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của trung tâm</p>	<p>- Định kỳ: Trung tâm tổ chức họp Hội cha mẹ học sinh 04 lần -Định kỳ: Trung tâm tổ chức đối thoại giữa Ban GD với Hội cha mẹ học sinh và Ban cán sự các lớp -Hội cha mẹ học sinh được tham gia vào các hoạt động của trung tâm -Trung tâm thường xuyên và định kỳ thông báo kết quả học tập và rèn luyện của học viên với gia đình *Yêu cầu thái độ của học viên - Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của trung tâm -Tôn trọng Giáo viên, cán bộ, nhân viên trong trung tâm; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nội quy của pháp luật của Nhà nước -Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của học viên phải có văn hoá, phù hợp với đạo đức và lối sống trong môi trường giáo dục -Trang phục của học viên phải sạch sẽ, gọn gàng, thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt ở trung tâm -Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của trung tâm</p>	<p>- Định kỳ: Trung tâm tổ chức họp Hội cha mẹ học sinh 04 lần -Định kỳ: Trung tâm tổ chức đối thoại giữa Ban GD với Hội cha mẹ học sinh và Ban cán sự các lớp -Hội cha mẹ học sinh được tham gia vào các hoạt động của trung tâm -Trung tâm thường xuyên và định kỳ thông báo kết quả học tập và rèn luyện của học viên với gia đình *Yêu cầu thái độ của học viên - Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của trung tâm -Tôn trọng Giáo viên, cán bộ, nhân viên trong trung tâm; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nội quy của pháp luật của Nhà nước -Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của học viên phải có văn hoá, phù hợp với đạo đức và lối sống trong môi trường giáo dục -Trang phục của học viên phải sạch sẽ, gọn gàng, thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt ở trung tâm -Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của trung tâm</p>
IV	<p>Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học</p>	<p>-Phòng học được xây dựng kiên cố đủ ánh sáng, bàn ghế gỗ công nghiệp đạt tiêu chuẩn của bộ GD&ĐT, bảng</p>	<p>-Phòng học được xây dựng kiên cố đủ ánh sáng, bàn ghế gỗ công nghiệp đạt tiêu chuẩn của bộ</p>	<p>-Phòng học được xây dựng kiên cố đủ ánh sáng, bàn ghế gỗ công nghiệp đạt tiêu chuẩn của bộ GD&ĐT, bảng</p>

